TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14- 5- 2019.
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn
Và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Văn Tám.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128 /2019/TLST- HNGĐ ngày 27-3-2019, về: " *Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1989. Cư trú ấp Phú Th, xã Phú X, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Lê Văn Đ, sinh năm 1984. Cư trú ấp Cái T, thị trấn Phú M, Phú T, An Giang.

Anh Đ có mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai (bút lục các số 21 và 22) biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục số 24) và lời khai tại phiên tòa thì chị T và anh Đ thống nhất trình bày:

Anh chị thành vợ chồng vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thẩn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cải có xa nhau vài lần thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng cũng không hạnh phúc và chính thức ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay.

Con chung có 02 đứa tên Lê Kim Ng, sinh ngày 22-5-2006 và Lê Gia H, sinh ngày 28-4-2010 đang sống với anh Đ.

Tài sản: Không có.

Nợ phải thu và phải trả: Không có.

* Chị T và anh Đ thống nhất yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T đồng ý cho anh Đ được tiếp tục nuôi 2 con. Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản; về nợ phải thu, phải trả; Không có nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1} Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục 11), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

{ 2} Về nội dung :

{2.1} Quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh Đ không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : " Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật nầy và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản nầy thì không có giá trị pháp lý .";

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : " Nam , nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật nầy chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này" và điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định : " Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết nầy, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng ; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..." Như vậy hôn nhân của anh, chị sẽ không được pháp luật bảo vệ và tuyên bố không công nhận là quan hệ vợ chồng .

{ 2.2} Về Con chung: có 02 đứa tên Lê Kim Ng, sinh ngày 22-5-2006 và Lê

Gia H, sinh ngày 28-4-2010 đang sống với anh Đ và anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy từ khi ly thân đến nay 02 cháu đều sống với anh Đ, hơn nữa nguyện vọng của 2 cháu là được tiếp tục được sống với anh Đ (bút lục các số 19 và 20), vì vậy giao 2 cháu cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân – gia đình. Đáng lẽ chị T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân – gia đình, nhưng anh Đ tự nguyện không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.3} Về tài sản và nợ phải thu: Không có, vì vây HĐXX không xem xét.

{2.4}Về nợ phải trả: không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh Đ phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: Chị T phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; khoản 2, Điều 81 và khoản 2, Điều 82 Luật hôn nhân- gia đình.
- Khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;
- Điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa chị Nguyễn Thị Mộng T với anh Lê Văn Đ.
- Anh Lê Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 đứa tên Lê Kim Ng, sinh ngày 22-5-2006 và Lê Gia H, sinh ngày 28-4-2010, nhưng không được ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0005600 ngày 27- 3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị T có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thành Dũng